

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM NGỌC HIẾU

**PHÁP LUẬT VỀ THẾ CHẤP, CẦM CỐ TÀI SẢN
LÀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN
ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG, QUA THỰC TIỄN TẠI
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Nga**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Kết cấu luận văn.....	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ THỂ CHẤP, CẦM CỐ TÀI SẢN LÀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỶ HẠN ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	6
1.1. Khái quát về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng	6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thể chấp và cầm cố tài sản.....	6
1.1.2. Khái niệm về tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn.....	7
1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn.....	9
1.1.4. Khái niệm về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.....	9
1.2. Khái quát pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng 10	10
1.2.1. Khái niệm pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.....	10
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng10	10
1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng	11
Tiểu kết chương 1.....	12
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THỂ CHẤP, CẦM CỐ TÀI SẢN LÀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỶ HẠN ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	13
2.1. Thực trạng pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng 13	13
2.1.1. Quy định pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.....	13
2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.....	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thể chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại	15

2.2.1. Thực trạng về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại	15
2.2.2. Những hạn chế và rủi ro pháp lý trong thực tiễn thực hiện pháp luật	15
2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng	17
2.3.1. Nhóm nguyên nhân từ thể chế	17
2.3.2. Nhóm nguyên nhân từ tổ chức thực hiện pháp luật tại các ngân hàng thương mại	17
Tiểu kết chương 2.....	18
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THẾ CHẤP, CẦM CỐ TÀI SẢN LÀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng	19
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại.....	21
Tiểu kết Chương 3.....	23
KẾT LUẬN.....	24
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ cái viết tắt/ký hiệu	Cụm từ đầy đủ
1	BLDS	Bộ luật dân sự
2	HĐTD	Hợp đồng tín dụng
3	NHTM	Ngân hàng thương mại
4	TCTD	Tổ chức <u>tín dụng</u>
5	TSBĐ	Tài sản bảo đảm

Commented [WU1]: Xếp lại theo chữ cái

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hiện nay, các giao dịch trong xã hội ngày càng phổ biến việc chấp nhận sử dụng tài sản tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Trong hoạt động kinh doanh của các TCTD nói chung và các NHTM nói riêng, hoạt động nhận thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là hoạt động kinh tế thông thường và hết sức phổ biến diễn ra hàng ngày.

Bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn là một biện pháp bảo đảm khá phổ biến trong nghiệp vụ cấp tín dụng, nhất là trong trường hợp cấp tín dụng cho cá nhân. Biện pháp bảo đảm này mang lại nhiều lợi ích khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức muốn vay tiền nhanh tại các TCTD thông qua sử dụng tiền gửi làm TSBĐ; về nguyên tắc hoạt động này được thực hiện linh hoạt và dễ dàng, bên gửi tiền có thể sử dụng tiền gửi để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính mình, của một bên khác hoặc yêu cầu TCTD cấp bảo lãnh cho bên thứ ba.

Pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là chế định quan trọng. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành nước ta quy định về lĩnh vực này còn mang tính khái quát, hướng dẫn chung ở nhiều văn bản. Pháp luật quy định chung việc sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ theo hướng dẫn của TCTD phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, pháp luật đã giao quyền tự quyết, chủ động cho các TCTD nhưng cũng gây khó khăn cho các TCTD trong việc xác định biện pháp bảo đảm và cơ chế áp dụng, thực hiện. Ngoài ra, pháp luật hiện hành về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn còn một số hạn chế như: chưa quy định rõ tư cách, quyền và nghĩa vụ của TCTD nhận tiền gửi trong quan hệ giao dịch thế chấp, cầm cố tiền gửi khi TCTD nhận tiền gửi không là TCTD nhận thế chấp, cầm cố; chưa quy định cụ thể về đăng ký biện pháp bảo đảm...

Từ thực tiễn trên dẫn đến hoạt động áp dụng pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD tại các TCTD thiếu đồng bộ, không thống nhất. Quy định hiện hành gây trở ngại cho các bên trong việc áp dụng, thực hiện pháp luật, xác định hiệu lực đối kháng với người thứ ba, điều này có thể sẽ gây thiệt hại cho các chủ thể có quyền, chưa bảo vệ được quyền lợi cao nhất của bên có quyền, nhất là trong quá trình xử lý tài sản và khi xảy ra các tranh chấp thường phức tạp, giao dịch trước đó có thể không được chấp nhận.

Chính vì vậy, để làm rõ các quy định pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng, thực hiện pháp luật tại các TCTD, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp***

đồng tín dụng, qua thực tiễn tại các ngân hàng thương mại” để nghiên cứu và hoàn thành Luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hoạt động thế chấp và cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD diễn ra phổ biến trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để làm rõ các quy định pháp luật hiện hành thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, cụ thể có thể kể đến như sau:

- Lê Minh Thành (2019), “*Xử lý tài sản thế chấp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng*”, Tạp chí pháp luật và thực tiễn - số 38/2019. Bài viết đã nêu rõ các đặc điểm của hoạt động thế chấp tài sản nói chung nhằm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD giữa ngân hàng và thương nhân. Bài viết là nguồn tham khảo để độc giả hiểu rõ về pháp luật Việt Nam hiện hành về chế định xử lý TSBĐ thực hiện HĐTD.

- Hoàng Thị Việt Anh (2020), “*Chế định cầm cố tài sản trong Bộ luật dân sự năm 2015 và bàn luận về cầm cố tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng*”, Tạp chí pháp luật và thực tiễn - số 43/2020. Bài viết đã nghiên cứu và phân tích chuyên sâu các vấn đề liên quan đến chế định cầm cố tài sản theo quy định của BLDS năm 2015 như: đối tượng của hoạt động cầm cố, phân tích các quy định pháp luật về nghĩa vụ, quyền hạn của bên cầm cố, bên nhận cầm cố và so sánh biện pháp cầm cố với thế chấp. Tác giả đã đưa ra các quy định cụ thể về tiền gửi tiết kiệm như: chủ thể gửi tiền, phạm vi nhận gửi tiết kiệm, thủ tục chi trả tiền gửi và nội dung thế tiết kiệm; qua đó làm rõ hơn về biện pháp cầm cố tài sản tiền gửi tiết kiệm tại TCTD; đồng thời cũng đã phân tích thực tiễn cầm cố tài sản tiền gửi tiết kiệm tại các TCTD.

- Bùi Đức Giang (2020), “*Quản lý rủi ro pháp lý khi nhận bảo đảm bằng tiền gửi và số dư tài khoản thanh toán*”, Tạp chí Ngân hàng - số 4/2020. Bài viết đã phân tích chuyên sâu các quy định pháp luật của nước ta về bảo đảm bằng tiền gửi tại các TCTD và các vấn đề lý luận liên quan đến số dư tiền gửi, số dư tài khoản thanh toán. Đặc biệt, bài viết đã phân tích các rủi ro pháp lý khi nhận bảo đảm bằng tiền gửi và số dư tài khoản thanh toán, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề trên và hạn chế các rủi ro xảy ra tranh chấp tại các TCTD.

- Ngô Tú Ngọc (2020), “*Xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Nội dung luận văn đã phân tích chi tiết các vấn đề lý luận liên quan đến cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tài sản và tổng hợp các quy định pháp luật liên quan. Trên cơ sở đó, tác giả đã đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong quy định pháp luật, trong thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bảo đảm thực hiện HĐTD tại tỉnh Quảng Trị. Từ đó, Luận văn đã kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bảo đảm thực hiện HĐTD.

Thực tế cho thấy có khá nhiều nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giao dịch bảo đảm thế chấp, cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD, các rủi ro pháp lý khi nhận bảo đảm đối với tài sản là số dư tiền gửi, tiền gửi tiết kiệm. Các công trình chủ yếu tập trung làm rõ ở một số khía cạnh nhất định về nhận TSBĐ, xử lý TSBĐ, nhận TSBĐ là số dư tiền gửi, cầm cố tiền gửi tiết kiệm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Trên cơ sở kế thừa những khái niệm TSBĐ, biện pháp thế chấp và cầm cố, quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch bảo đảm, xử lý TSBĐ, tiền gửi tiết kiệm, lý luận áp dụng biện pháp bảo đảm thế chấp, cầm cố số dư tiền gửi, tiền gửi tiết kiệm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các rủi ro pháp lý khi nhận bảo đảm bằng tiền gửi, đề tài “*pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, qua thực tiễn tại các ngân hàng thương mại*” làm rõ hơn các vấn đề liên quan đến thế chấp, cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với hai loại tài sản đặc biệt là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn, cùng với các nghiên cứu đã công bố góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan và nâng cao công tác áp dụng, thực hiện tại các NHTM.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn hướng tới nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD, qua thực tiễn tại các NHTM trên cả nước.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, Luận văn cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện nghiên cứu và làm rõ các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD;

- Nhận diện, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD tại các TCTD cũng như các NHTM.

- Làm rõ các luận cứ khoa học cho các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD tại các NHTM.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các vấn đề lý luận; quy định của pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD và thực tiễn thực hiện pháp luật này tại các NHTM.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

* *Phạm vi nội dung*: nghiên cứu, phân tích, đánh giá pháp luật Việt Nam hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD.

* *Phạm vi không gian*: trên phạm vi cả nước.

* *Phạm vi thời gian*: từ năm 2015 đến năm 2021.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, của Nhà nước liên quan đến nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu:

- *Phương pháp phân tích văn bản*: phương pháp này sẽ được tác giả áp dụng xuyên suốt trong hoạt động làm rõ nội dung của Luận văn. Trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo, đánh giá thực tiễn và tư duy đối với các đề tài đã được công bố, các vấn đề thực tiễn liên quan và các quy định pháp luật, tác giả sẽ phân tích, đánh giá ưu nhược điểm của vấn đề liên quan đến pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: chủ yếu sử dụng trong Chương 2 để phân tích, làm rõ các nội dung, tinh thần được ghi nhận tại các quy định và văn bản pháp luật khác nhau. Đây là tiền đề để đánh giá tính hiệu quả của công tác áp dụng pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD.

- *Phương pháp tổng hợp*: được sử dụng trong cả Luận văn. Dựa trên những kết quả đã thu thập, tác giả sẽ tiến hành tổng hợp, phân tích các thông tin nhằm đưa ra những đánh giá khách quan cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng, thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD.

- *Phương pháp phân tích định lượng*: chủ yếu sử dụng trong Chương 2 để phân tích các số liệu thứ cấp, làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu và các nhận định trong nội dung luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- *Ý nghĩa lý luận*: Nội dung làm rõ một cách sâu sắc hơn các vấn đề lý luận cơ bản liên quan pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD, qua thực tiễn tại các NHTM.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: trên cơ sở làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD, Luận văn có tác dụng tham khảo đối với công tác xây dựng pháp luật. Đồng thời, các nghiên cứu đánh giá của Luận

văn là tài liệu để các NHTM tham khảo khi xây dựng nội dung trong các quy chế nội bộ về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi. Ngoài ra, Luận văn có thể được sử dụng là nguồn tài liệu bổ sung trong công tác giảng dạy pháp luật tại các trường Đại học Luật liên quan đến chế định thế chấp, cầm cố tài sản và pháp luật ngân hàng.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng và thực tiễn thực hiện tại các ngân hàng thương mại.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại.

CHƯƠNG 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ THẾ CHẤP, CẦM CỐ
TÀI SẢN LÀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ĐỂ
BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

1.1. Khái quát về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thế chấp và cầm cố tài sản

Thế chấp và cầm cố tài sản là hai biện pháp bảo đảm được BLDS 2015 quy định tại Điều 292, được các tổ chức và cá nhân áp dụng thường xuyên, vì vậy pháp luật đã có những quy định rõ ràng và chi tiết đối với hai biện pháp này.

1.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của thế chấp tài sản

Về phương diện ngữ nghĩa, thế chấp được hiểu là một bên sử dụng tài sản để bảo đảm việc thực hiện một nghĩa vụ được xác lập trước đó. BLDS 2015 của nước ta đã đưa ra khái niệm: *“Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp)”*¹.

Biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản được pháp luật bảo đảm thực hiện khi áp dụng và có các đặc điểm sau: **(1)** hướng tới mục đích bảo đảm thực hiện một nghĩa vụ. **(2)** Tài sản dùng để thế chấp phải là các tài sản thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. **(3)** Bên thế chấp không giao trực tiếp tài sản cho bên nhận thế chấp. **(4)** Nghĩa vụ bảo vệ và duy trì giá trị tài sản thế chấp không thuộc bên nhận thế chấp. **(5)** Tài sản được dùng thế chấp có thể là động sản và hoặc bất động sản. **(6)** Quan hệ thế chấp tài sản chấm dứt khi các nghĩa vụ xác lập trước đó được thực hiện.

1.1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của cầm cố tài sản

Về mặt ngữ nghĩa, cầm cố tài sản là việc sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình giao cho một bên khác nắm giữ nhằm bảo đảm việc thực hiện một nghĩa vụ. Đây là một biện pháp bảo đảm đối vật, khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ thì bên có quyền sẽ xử lý tài sản này theo quy định để bù trừ với các nghĩa vụ không được thực hiện. BLDS 2015 đưa ra khái niệm: *“Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”*².

Biện pháp cầm cố tài sản được pháp luật bảo đảm thực hiện khi áp dụng.

Giống như thế chấp, cầm cố tài sản cũng có những đặc điểm: **(i)** hướng tới mục đích bảo đảm thực hiện một nghĩa vụ; **(ii)** tài sản được dùng để cầm cố phải là các tài sản thuộc quyền sở hữu của bên cầm cố; **(iii)** quan hệ cầm cố tài sản chấm dứt khi các nghĩa vụ xác lập trước đó được thực hiện.

Ngoài ra cầm cố tài sản còn có những đặc điểm khác sau: **(1)** để xác lập quan hệ cầm cố tài sản, bên cầm cố tài sản phải giao tài sản cho bên nhận cầm

¹ Khoản 1 Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2015

² Điều 310 Bộ luật dân sự năm 2015

cổ nắm giữ. **(2)** Bên có quyền – bên nhận cầm cố phải thực hiện việc bảo vệ và bảo đảm duy trì giá trị của tài sản. **(3)** Tài sản cầm cố thường là các tài sản hiện có tại thời điểm xác lập quan hệ và có thể chuyển giao.

1.1.1.3. Vai trò của thế chấp và cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng

Hoạt động kinh doanh của các TCTD có mục tiêu chính là tạo ra lợi nhuận nhưng vẫn phải đảm bảo mục tiêu bảo toàn vốn và phát triển ổn định, vì vậy việc sử dụng các biện pháp bảo đảm (thế chấp, cầm cố) là hết sức cần thiết và có nhiều ý nghĩa như sau:

Một là, đẩy mạnh sự phát triển trong lưu thông tiền tệ của nền kinh tế.

Khi các chủ thể đi vay có các biện pháp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình thì việc quyết định cấp tín dụng và giải ngân của TCTD sẽ dễ dàng và an toàn hơn. Hai biện pháp bảo đảm thế chấp và cầm cố tài sản được sử dụng phổ biến trong nền kinh tế, đặc biệt là hoạt động vay và cho vay tiền tệ. Với sự tham gia của việc sử dụng một tài sản khác thế chấp /cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giúp cho nguồn tiền tệ được dễ dàng trao đổi và nâng cao khả năng hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả khoản vay.

Hai là, là biện pháp nhằm ổn định hoạt động của các TCTD.

Trong cơ chế thị trường hội nhập hiện nay, hoạt động thị trường tiền tệ ngày càng sôi động, theo đó hoạt động của các TCTD ngày càng đa dạng. Trong đó, rủi ro lớn nhất và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của các TCTD là không thu hồi được vốn cho vay bao gồm tiền gốc và hoặc tiền lãi đúng kỳ hạn thỏa thuận, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Để nâng cao tính phòng ngừa, việc sử dụng biện pháp thế chấp /cầm cố tài sản mang lại hiệu quả to lớn, nếu bên vay không thực hiện các nghĩa vụ này thì TCTD đó sẽ xử lý TSBĐ đã được thế chấp, cầm cố để bù đắp vào nghĩa vụ xác lập trước đó.

Ba là, hạn chế các tranh chấp xảy ra, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong HĐTD.

1.1.2. Khái niệm về tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn

1.1.2.1. Khái niệm tiền gửi tiết kiệm

Gửi tiền tiết kiệm là một phương thức tiết kiệm, đầu tư an toàn ổn định được nhiều cá nhân lựa chọn, hướng đến mục đích chủ yếu là dự phòng chi tiêu trong tương lai. Ở nước ta, Thông tư số 48/2018/TT-NHNN quy định chung về giao dịch tiền gửi tiết kiệm tại các TCTD. Theo đó, “*tiền gửi tiết kiệm là khoản tiền được người gửi tiền gửi tại tổ chức tín dụng theo nguyên tắc được hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận với tổ chức tín dụng*”³.

Một khoản tiền gửi tiết kiệm có các đặc điểm sau:

Một là, là khoản đầu tư mang tính ổn định và an toàn.

Hai là, được gửi tại các TCTD, các chủ thể trong quan hệ gửi tiền gồm TCTD và người gửi tiền. Chủ thể gửi tiền tiết kiệm chỉ có cá nhân không bao gồm tổ chức.

Ba là, về hình thức được thể hiện dưới dạng văn bản là thẻ (sổ) tiết kiệm là

³ Khoản 1, Điều 5 Thông tư 48/2018/TT-NHNN

mẫu in sẵn của TCTD. Mỗi lần gửi tiền chỉ ban hành duy nhất 01 bản, người gửi tiền cần phải chấp nhận các điều khoản do TCTD ban hành.

Bốn là, về phương thức gửi và thanh toán chi trả. Người gửi tiền phải trực tiếp đến địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của TCTD để gửi và nhận chi trả, bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản thanh toán của mình. Khi đến hạn, người gửi tiền phải làm thủ tục, phải xuất trình thẻ (sổ) tiết kiệm để nhận chi trả.

Năm là, được hưởng lãi theo mức lãi suất do TCTD quy định và theo kỳ hạn chọn gửi, nếu rút tiền trước hạn gửi sẽ nhận mức lãi suất thấp hơn mức thỏa thuận. Phương thức trả lãi theo thỏa thuận, có thể trả tiền lãi trước, định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc lãnh lãi vào cuối kỳ khi đáo hạn.

Sáu là, có thời hạn cụ thể, gồm có: gửi có kỳ hạn và gửi không kỳ hạn. Thời hạn gửi do các TCTD xác định theo số tháng gửi, thấp nhất là tháng.

Bảy là, chủ thể gửi tiền có quyền tặng cho, bán và được chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm trừ trường hợp chuyển giao quyền sở hữu theo thừa kế.

Tám là, khoản tiền gửi tiết kiệm là loại tiền vô hình phi vật chất, hình thái thể hiện bằng số dư tiền gửi theo dõi trên tài khoản tại TCTD.

Chín là, khoản tiền gửi tiết kiệm là một khoản vay với bên cho vay là người gửi tiền và bên vay là TCTD nhận gửi tiền, người gửi tiền có quyền đòi nợ.

1.1.2.2. Khái niệm tiền gửi có kỳ hạn

Ở nước ta, Thông tư số 49/2018/TT-NHNN quy định chung về giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD. Theo đó, “*tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền của khách hàng gửi tại tổ chức tín dụng trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận giữa khách hàng và tổ chức tín dụng với nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho khách hàng*”⁴.

Giống như tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn cũng có các đặc điểm sau: (1) là khoản đầu tư mang tính ổn định và an toàn; (2) chủ thể trong quan hệ gửi tiền gồm TCTD và người gửi tiền; (3) về hình thức được thể hiện dưới dạng văn bản; (4) được hưởng lãi theo mức lãi suất do TCTD quy định và theo kỳ hạn chọn gửi. Trường hợp rút tiền trước kỳ hạn gửi sẽ nhận được mức lãi suất thấp hơn thỏa thuận; (5) thời điểm thanh toán tiền lãi được TCTD thỏa thuận trả trước, theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc trả vào thời điểm kết thúc kỳ hạn gửi; (6) có thời hạn cụ thể; (7) chủ thể gửi tiền có quyền tặng cho, bán và được chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn trừ trường hợp chuyển giao quyền sở hữu theo thừa kế; (8) khoản tiền gửi có kỳ hạn là loại tiền vô hình phi vật chất, hình thái thể hiện bằng số dư tiền gửi theo dõi trên tài khoản tại TCTD; (9) khoản tiền gửi có kỳ hạn là một khoản vay với bên cho vay là người gửi tiền và bên vay là TCTD nhận gửi tiền, người gửi tiền có quyền đòi nợ.

Ngoài ra tiền gửi có kỳ hạn có những đặc điểm khác sau:

Một là, về chủ thể gửi tiền, người gửi tiền có kỳ hạn ngoài cá nhân là người cư trú, còn bao gồm chủ thể: người cư trú là tổ chức và người không cư trú⁵.

⁴ Khoản 1 Điều 4 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

⁵ Điều 3 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

Hai là, về chủ thể nhận gửi tiền, các TCTD nhận gửi tiền tiết kiệm cũng nhận gửi tiền có kỳ hạn, ngoài ra TCTD phi ngân hàng được phép nhận tiền gửi có kỳ hạn⁶.

Ba là, tiền gửi có kỳ hạn gửi kỳ hạn thấp nhất được tính theo tuần.

Bốn là, thỏa thuận gửi tiền được các bên lập thành văn bản với số bản theo thỏa thuận, có thể thỏa thuận thêm các nội dung ngoài quy định mà pháp luật không cấm, hình thức thường là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo mẫu hoặc văn bản do TCTD ban hành có chữ ký xác nhận của người gửi tiền⁷.

Năm là, người gửi tiền chỉ được gửi, nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn thông qua tài khoản thanh toán của chính mình mở tại TCTD đó, không được sử dụng tiền mặt⁸. TCTD chủ động chi trả tiền gửi theo thỏa thuận, người gửi tiền không nhất thiết phải đến địa điểm giao dịch hợp pháp của TCTD để nhận và cũng không buộc phải xuất trình thỏa thuận gửi tiền có kỳ hạn cho TCTD.

1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn

1.1.3.1. Khái niệm về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn

Về mặt ngữ nghĩa việc “thế chấp, cầm cố tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn” là người gửi tiền sử dụng số dư tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho việc xác lập một giao dịch mới, trong đó TSBD được thể hiện bằng số dư tiền gửi tại TCTD, còn thế chấp /cầm cố là biện pháp bảo đảm.

1.1.3.2. Đặc điểm của thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn

Một là, hoạt động thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn được pháp luật điều chỉnh một phần, quyền chủ động do TCTD quyết định.

Hai là, hoạt động thế chấp/cầm cố tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi trong mang lại lợi ích cho các bên.

Ba là, TCTD nhận thế chấp, cầm cố tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn có thể là TCTD đã nhận tiền gửi trước đó hoặc là TCTD độc lập.

1.1.4. Khái niệm về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

“*Hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa TCTD (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân (bên đi vay) có đủ điều kiện theo quy định (bao gồm quy định của TCTD), theo đó TCTD giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả tiền gốc và tiền lãi phát sinh.*” HĐTD biểu hiện dưới hai hình thái vật chất gồm văn bản viết và văn bản điện tử.

Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là việc xác lập các điều kiện bắt buộc về việc bên được cấp tín dụng /bên vay sử dụng tài sản khác để tăng khả

⁶ Điều 2 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

⁷ Điều 6 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

⁸ Khoản 2 Điều 5 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

năng thực hiện nghĩa vụ chính của mình trong HĐTD, đó là nghĩa vụ hoàn trả nợ vay bao gồm tiền gốc và lãi, phí phát sinh từ HĐTD. Giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD có thể lập thành một hợp đồng bảo đảm riêng hoặc là điều khoản cụ thể về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD phù hợp với quy định của pháp luật.⁹

Theo nghĩa hẹp có thể hiểu việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là sự cam kết của người đi vay với TCTD dựa trên các quy định pháp luật nhằm thiết lập các biện pháp dự phòng để bảo đảm việc trả nợ vốn vay, ngăn ngừa các vi phạm HĐTD xảy ra cũng như tạo các điều kiện để bên vay khắc phục hậu quả nếu xảy ra.

1.2. Khái quát pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

1.2.1. Khái niệm pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

Pháp luật là hệ thống các quy định được Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, mang tính bắt buộc chung nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là toàn bộ các quy định được Nhà nước định ra hoặc thừa nhận để điều chỉnh hoạt động sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ cho thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ trong HĐTD tại TCTD.

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

Các quy định pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, tuân thủ theo các quy định của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm, các quy định riêng về hoạt động của TCTD, các quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với việc sử dụng loại tài sản này làm TSBĐ, có các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, các quy tắc chung khi thực hiện giao dịch bảo đảm thế chấp, cầm cố tài sản như: sử dụng làm TSBĐ; Hình thức của giao dịch; Hiệu lực của giao dịch; Thời điểm chấm dứt quan hệ; Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch; Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm; Yêu cầu để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong tương lai.... Các quy định này được quy định chung tại BLDS 2015, Nghị định 21/2021/NĐ-CP.

Thứ hai, các quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm: việc đăng ký được thực hiện theo quy định tại Nghị định 102/2017/NĐ-CP, Thông tư 18/2018/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2020/TT-BTP. Các

⁹ Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP

quy định về phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba tuân thủ theo quy định chung của BLDS 2015 (tại Điều 297, Điều 298, Điều 310).

Thứ ba, các quy định về xử lý TSBĐ là tiền gửi tuân thủ theo quy định chung về xử lý TSBĐ của BLDS 2015 (từ điều 299 đến Điều 308) và Nghị định 21/2021/NĐ-CP (từ Điều 49 đến Điều 59) như: Các trường hợp xử lý TSBĐ; Thông báo và thời hạn xử lý TSBĐ; Phương thức xử lý tài sản thế chấp, cầm cố; Các quy định về nhận chính TSBĐ để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm; Giao TSBĐ để xử lý; Thanh toán và thứ tự ưu tiên thanh toán....

1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, yếu tố về chính trị - chính sách.

Mọi quốc gia đều có Nhà nước quản lý, duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội; có hệ thống tư tưởng chính trị, chính sách riêng, ảnh hưởng rất lớn đến việc cụ thể hóa quy định pháp luật. Hoạt động của các TCTD giữ vai trò quyết định trong việc điều tiết, bình ổn thị trường tiền tệ, có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định, phát triển kinh tế của đất nước, do vậy pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố chính trị - chính sách.

Thứ hai, yếu tố về kinh tế.

Kinh tế là nhân tố quan trọng của đất nước, tác động đến nhiều vấn đề trong đời sống xã hội. Các quy định pháp luật phải tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế và các quan hệ kinh tế là yếu tố cần xem xét để xây dựng các quan hệ pháp luật mới. Khi các quan hệ kinh tế có sự thay đổi, pháp luật cũng cần có sự điều chỉnh cho phù hợp, nếu thực tiễn các quan hệ kinh tế đảo lộn một quy định liên quan hoặc không còn hoàn toàn phù hợp với quy định liên quan thì nhà làm luật cần có định hướng để thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung.

Thứ ba, yếu tố mức độ hoàn thiện của chính sách, pháp luật.

Mức độ hoàn thiện của các chính sách, của hệ thống pháp luật chung có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật phù hợp với thực tiễn, qua đó quyết định đến hiệu quả trong quá trình áp dụng và thực hiện pháp luật. Khi chính sách của Nhà nước, hệ thống pháp luật kịp thời cải cách, điều chỉnh phù hợp với sự phát triển chung của xã hội và sát với thực tiễn hoạt động trong nền kinh tế hội nhập quốc tế sẽ giúp hoàn thiện và xây dựng các quy định pháp luật mang tính khả thi và chất lượng hơn, từ đó sẽ nâng cao được hiệu quả áp dụng và thực hiện pháp luật trong thực tiễn.

Tiêu kết chương 1

Thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là biện pháp bảo đảm được áp dụng thường xuyên, là hoạt động kinh tế thông thường và hết sức phổ biến diễn ra hàng ngày tại các TCTD. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động này sẽ luôn phát sinh những vấn đề cần hoàn thiện để nâng cao hơn nữa chất lượng của pháp luật trong quá trình áp dụng. Hiện nay, pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD được quy định chung ở nhiều văn bản khác nhau, đã đảm bảo việc định hướng, tăng cường tính chủ động cho các TCTD áp dụng trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc pháp luật chưa quy định cụ thể trong một chế định nào hoặc bằng một văn bản pháp luật nào, mà quy định chung giao quyền tự quyết cho TCTD hướng dẫn việc sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ phù hợp với pháp luật chung về giao dịch bảo đảm, dẫn đến việc áp dụng và thực hiện pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa thống nhất giữa các TCTD, giữa các tổ chức, cá nhân với nhau. Điều này có thể dẫn đến những tranh chấp đáng tiếc, ẩn chứa không ít những rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh của TCTD nói riêng và của nền kinh tế nói chung.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THẾ CHẤP, CẦM CỐ TÀI SẢN LÀ
TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ĐỂ BẢO ĐẢM
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ
THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2.1. Thực trạng pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

2.1.1. Quy định pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

Một là, tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn được pháp luật hiện hành chấp nhận để sử dụng làm TSBĐ và thực hiện theo hướng dẫn của TCTD phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm¹⁰. TCTD phải ban hành quy định nội bộ về giao dịch tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, trong đó phải có nội dung về việc sử dụng tiền gửi làm TSBĐ¹¹. Khi sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ, cần tuân thủ theo quy định chung tại BLDS 2015 và Nghị định 21/2021/NĐ-CP.

Hai là, về mặt hình thức, thỏa thuận giao dịch thế chấp, cầm cố tài sản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn phải được lập thành văn bản, có thể lập thành một hợp đồng bảo đảm riêng hoặc là điều khoản cụ thể về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD phù hợp với quy định của pháp luật, có hiệu lực ngay từ thời điểm giao kết hoặc có hiệu lực từ thời điểm do các bên thỏa thuận.

Ba là, thời điểm chấm dứt quan hệ thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn tuân thủ theo quy định chung của BLDS 2015 (Điều 327, Điều 315)

Bốn là, quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp, cầm cố tài sản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, tuân thủ theo quy định chung của BLDS 2015, đối với quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp quy định tại Điều 320 và Điều 321, đối với nghĩa vụ và quyền của bên cầm cố quy định tại Điều 311 và Điều 312.

Năm là, quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp, cầm cố tài sản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, tuân thủ theo quy định chung của BLDS 2015, đối với quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp quy định tại Điều 322 và Điều 323, đối với nghĩa vụ và quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 313 và Điều 314.

Sáu là, phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm, tuân thủ theo quy định chung của BLDS từ Điều 293 đến Điều 296 và hướng dẫn của Nghị định 21/2021/NĐ-CP (Điều 5).

Bảy là, đăng ký biện pháp bảo đảm và hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong quan hệ thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn:

¹⁰ Điều 13 Thông tư 48/2018/TT-NHNN, Điều 11 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

¹¹ Điều 20 Thông tư 48/2018/TT-NHNN, Điều 15 Thông tư 49/2018/TT-NHNN

tuân thủ theo quy định chung của BLDS 2015 (Điều 297, 298, 310), Nghị định 102/2017/NĐ-CP (Điều 4), Nghị định 21/2021/NĐ-CP (Điều 23). Biện pháp thế chấp được đăng ký tự nguyện, có thể đăng ký theo các quy định tại Khoản 4, Khoản 6, điểm c điểm d Khoản 7, Khoản 9 Điều 6 của Thông tư 18/2018/TT-BTP; Biện pháp cầm cố không được thực hiện đăng ký. Biện pháp thế chấp phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký biện pháp bảo đảm. Biện pháp cầm cố phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba kể từ thời điểm hoàn thành các thủ tục về giao kết cầm cố tài sản và TCTD nhận cầm cố nắm giữ tài sản cầm cố.

Tám là, về xử lý tài sản thế chấp, cầm cố là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, tuân thủ theo quy định chung của BLDS 2015 từ Điều 299 đến Điều 308 và hướng dẫn của Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định từ Điều 49 đến Điều 59. Khi xử lý TSBD, trường hợp TCTD nhận bảo đảm là TCTD nhận tiền gửi, TCTD trích khoản tiền gửi thanh toán bù trừ cho nghĩa vụ chưa hoàn thành¹²; trường hợp TCTD nhận bảo đảm không là TCTD nhận tiền gửi thì TCTD cần phải có sự đồng ý chi trả khoản tiền này từ TCTD nhận tiền gửi.

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

2.1.2.1. Những thành công đạt được

Một là, đã tạo ra sự chủ động, linh hoạt trong hoạt động cấp tín dụng có TSBD bằng cầm cố/thế chấp tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD, qua đó góp phần tạo ra môi trường hoạt động kinh doanh an toàn, ổn định và thuận lợi.

Hai là, pháp luật ghi nhận thêm quyền cụ thể của người gửi tiền, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho người gửi tiền được hỗ trợ vốn nhanh chóng và hạn chế thiệt hại trong giao dịch gửi tiền.

Ba là, có tác động tích cực tăng cường khả năng huy động vốn nhàn rỗi từ mọi thành phần kinh tế cho các TCTD nói riêng và cho nền kinh tế nói chung, góp phần ổn định và phát triển nền kinh tế.

2.1.2.2 Những hạn chế

Thứ nhất, pháp luật hiện hành về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn còn gây khó khăn cho các bên khi xác lập biện pháp bảo đảm và gây khó khăn trong việc xác định và áp dụng biện pháp bảo đảm.

Thứ hai, các quy định pháp luật hiện hành chưa ràng buộc được quyền và nghĩa vụ của TCTD nhận tiền gửi trong quan hệ giao dịch thế chấp, cầm cố tài sản là số dư tiền gửi nói chung và tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn nói riêng tại TCTD khác.

Thứ ba, các quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm đối với TSBD là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn còn gây khó khăn cho các bên khi xác định và thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm, vì vậy dẫn đến khó khăn

¹² Điều 378 Bộ luật dân sự 2015

trong việc xác định và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

Thứ tư, pháp luật về thế chấp, cầm cố tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD còn thiếu sự đồng bộ, chưa thống nhất trong việc áp dụng và thực hiện của các TCTD.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại

2.2.1. Thực trạng về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại

Hiện nay, nhìn chung các NHTM đã chấp hành khá tốt các quy định pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD. Trên cơ sở các quy định chung của Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành về giao dịch bảo đảm, khung pháp lý chung trong chế định cầm cố, thế chấp tài sản về quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia, hình thức thực hiện, hiệu lực đối kháng cũng như các yêu cầu bắt buộc khi xác lập giao dịch, các NHTM đều đã thực hiện xây dựng các quy chế nội bộ riêng về hoạt động cấp tín dụng có TSBĐ bằng thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD. Tùy theo đặc thù, khả năng, đặc điểm hoạt động riêng của mình, các NHTM đã chủ động và linh hoạt trong việc xây dựng cũng như điều chỉnh các quy chế nội bộ này và thực hiện phù hợp với quy định chung của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng chiến lược, mục tiêu kinh doanh từng thời kỳ. Qua đó, tạo rất nhiều thuận lợi cho các NHTM nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác huy động vốn, cấp tín dụng, góp phần đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, ổn định và thúc đẩy phát triển.

Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành đã dẫn đến tình trạng thiếu đồng bộ, chưa thống nhất giữa các NHTM khi áp dụng và thực hiện, còn gây khó cho các NHTM trong việc xác định áp dụng biện pháp bảo đảm nào giữa cầm cố hay thế chấp tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD. Ngoài ra, với quy định yêu cầu và cho phép các NHTM chủ động xây dựng, điều chỉnh các quy chế nội bộ để cụ thể hóa nội dung này sao cho phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng đồng thời cũng không có sự bắt buộc nào đối với việc thực hiện đúng các quy chế nội bộ đã xây dựng, điều này đã dẫn đến sự khác nhau rất lớn khi xây dựng quy chế nội bộ tại các NHTM và trong áp dụng, thực hiện pháp luật.

2.2.2. Những hạn chế và rủi ro pháp lý trong thực tiễn thực hiện pháp luật

Một là, NHTM nhận bảo đảm có thể gặp rủi ro rất lớn khi nhận TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn đang được gửi tại TCTD khác.

(i) NHTM nhận bảo đảm gặp rủi ro trong việc xử lý TSBĐ. Trong giao dịch bảo đảm này, pháp luật hiện hành chưa có quy định ràng buộc quyền và nghĩa vụ của TCTD nhận tiền gửi. Theo quy định giai đoạn hiện tại, BLDS 2015 không

quy định quyền thu giữ TSBĐ của bên nhận bảo đảm và chỉ quy định trường hợp người đang giữ TSBĐ không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác¹³. Do đó, nếu không có thỏa thuận nào giữa NHTM nhận bảo đảm /cấp tín dụng với TCTD nhận tiền gửi về giao dịch bảo đảm này và bên bảo đảm/người gửi tiền không có thiện chí, không phối hợp với NHTM cấp tín dụng trong việc xử lý tài sản thì việc xử lý tài sản sẽ rất khó khăn, phải tiến hành qua tố tụng dẫn đến kéo dài thời gian xử lý, trong khoản thời gian tố tụng này TSBĐ là khoản tiền gửi có thể sẽ không còn nguyên.

(ii) Rủi ro thứ hai NHTM có thể gặp phải là giá trị TSBĐ – khoản tiền gửi có thể bị giảm sút hoặc không còn. Đây là rủi ro mà NHTM nhận bảo đảm luôn phải đối mặt, đó là trường hợp bên bảo đảm/bên gửi tiền nếu có nghĩa vụ thanh toán khác với chính TCTD nhận tiền gửi, thì TCTD nhận tiền gửi có thể ưu tiên và được quyền trích khoản tiền gửi này để bù trừ nghĩa vụ với bên gửi tiền nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật¹⁴.

(iii) Rủi ro phát sinh tranh chấp đối kháng với bên thứ ba khi NHTM nhận bảo đảm tài sản này có thứ tự xác lập sau bên thứ ba. Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm không buộc phải thực hiện đăng ký đối với TSBĐ là số dư tiền gửi, dẫn đến trong thực tế, việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối trường hợp này cũng không được thực hiện đồng bộ tại các NHTM nhận bảo đảm, mà việc yêu cầu buộc phải đăng ký đối với TSBĐ là số dư tiền gửi tùy thuộc vào quy định riêng của từng NHTM.

Hai là, giao dịch nhận TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn đứng tên cá nhân trong thời kỳ hôn nhân có thể bị vô hiệu.

Ba là, tình trạng làm giả thẻ (sổ) tiết kiệm để giao dịch.

Bốn là, tình trạng dùng thẻ (sổ) tiết kiệm đã hết hiệu lực để giao dịch hoặc đã được dùng giao dịch bảo đảm nhưng tiếp tục đề nghị TCTD cấp lại.

Năm là, lợi dụng lòng tin của khách hàng để thực hiện các hành vi lừa đảo, chiếm đoạt số tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn.

Sáu là, sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn có nguồn gốc bất hợp pháp để bảo đảm cho khoản vay, đồng thời lợi dụng lòng tin của khách hàng làm giả hồ sơ nhằm chiếm đoạt khoản tiền trên.

Bảy là, đơn giản hóa thủ tục gây ra sự biến động kinh tế trong thị trường.

Tám là, việc lạm dụng cấp tín dụng có TSBĐ bằng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để gây ra tăng trưởng ảo tín dụng và huy động vốn trong hệ thống TCTD, không thúc đẩy sự tăng trưởng thật trong kinh doanh của các TCTD.

¹³ Điều 301 Bộ luật Dân sự 2015

¹⁴ Điều 378 Bộ luật Dân sự 2015

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

2.3.1. Nhóm nguyên nhân từ thể chế

Một là, quy định pháp luật hiện hành chưa hướng dẫn phân loại rõ số dư tiền gửi nói chung và tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn nói riêng là loại tài sản nào theo quy định của Bộ luật dân sự khi sử dụng làm TSBĐ.

Hai là, các quy định pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn mang tính khái quát quá lớn chưa có hướng dẫn cụ thể.

Ba là, pháp luật hiện hành chưa quy định rõ tư cách, quyền và nghĩa vụ của TCTD nhận tiền gửi trong quan hệ giao dịch thế chấp, cầm cố đối với tài sản là số dư tiền gửi nói chung và tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn nói riêng tại TCTD khác.

Bốn là, các quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm đối với TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn chưa cụ thể, ảnh hưởng đến việc xác định và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

Năm là, pháp luật hiện hành giao quyền tự quyết quá lớn cho TCTD trong áp dụng và thực hiện khi sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ.

Sáu là, các quy định pháp luật về thực hiện các điều kiện của khách hàng khi cấp tín dụng chưa cụ thể, không mang tính bắt buộc cao để kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng có TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD.

Bảy là, một số quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm còn chung chung, chưa cụ thể hoặc chưa có sự đồng bộ, thống nhất.

2.3.2. Nhóm nguyên nhân từ tổ chức thực hiện pháp luật tại các ngân hàng thương mại

Một là, các NHTM còn “lông tay kiểm soát” trong hoạt động cho vay có TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn.

Hai là, xuất phát từ ý muốn chủ quan của các NHTM và hoặc nhân viên ngân hàng muốn đạt các chỉ tiêu cấp tín dụng, huy động vốn vào thời điểm cuối kỳ kinh doanh tháng, quý, năm hoặc lôi kéo khách hàng tiền gửi.

Tiêu kết chương 2

Pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD đã có những quy định khá tương đối đầy đủ giúp ổn định hoạt động cấp tín dụng của NHTM nói riêng và TCTD nói chung. Các quy định pháp luật trên có vai trò rất quan trọng để tạo ra nền tảng cho hoạt động đẩy mạnh cung ứng nguồn vốn cho các thành phần kinh tế trong xã hội. Bên cạnh những kết quả đạt được, pháp luật vẫn còn tồn tại một số vấn đề gây khó khăn trong thực tiễn hoạt động của TCTD. Các vấn đề này cần được giải quyết nhanh chóng để triệt tiêu các rủi ro có thể xảy ra gây thiệt hại nghiêm trọng cho TCTD và nền kinh tế.

Bên cạnh đó thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật vẫn còn những sai sót, vì lợi ích bước đầu mà tạo ra những lỗ hổng để các đối tượng lợi dụng trục lợi, rút ruột ngân hàng gây ra các thiệt hại lớn. Việc đánh giá và nghiên cứu các nguyên nhân cần được đẩy mạnh để có thể đưa ra các giải pháp giúp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao chất lượng hoạt động của các TCTD.

CHƯƠNG 3
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THẾ CHẤP, CẦM CỐ TÀI SẢN LÀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

Các quan hệ xã hội không ngừng thay đổi và phát triển, vì vậy pháp luật cần có sự điều chỉnh và cải cách liên tục để nâng cao hiệu quả điều chỉnh. Thực tiễn luôn biến động phong phú và sinh động, bởi vậy trong quá trình xây dựng pháp luật phải bám sát và đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Trong công tác xây dựng pháp luật, việc đề ra những định hướng cụ thể và phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế là điều cần thiết, là cơ sở để xây dựng các quy định pháp luật hợp lý; Đồng thời giúp hạn chế sự mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật với nhau, tạo ra môi trường pháp luật mềm dẻo để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Để hoàn thiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD cần tuân thủ các yêu cầu sau:

Một là, việc sử dụng từ ngữ cần thống nhất và rõ ràng trong từng điều luật, trong từng văn bản hướng dẫn thi hành.

Hai là, khi xây dựng pháp luật cần bám sát thực tiễn hoạt động của các TCTD, gắn với đặc trưng của nền kinh tế.

Ba là, cần đồng bộ, thống nhất giữa quy định chung và các văn bản hướng dẫn.

Bốn là, nhà nước cần quản lý và kiểm soát về lãi suất tiền gửi có thời hạn và lãi suất tiền vay đối với khoản vay sử dụng TSBĐ là số dư tiền gửi.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

Cần thực hiện các giải pháp chung như sau:

Một là, cần thiết phải có sự rà soát tổng thể các quy định về giao dịch bảo đảm, bao gồm cả những quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chung và tại các văn bản pháp luật chuyên ngành để sửa đổi, bổ sung đảm bảo sự thống nhất.

Hai là, Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường công tác rà soát, tổng kết và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật, qua đó phát hiện những thiếu sót, “điểm mù” trong pháp luật ngân hàng để khắc phục, sửa đổi và bổ sung kịp thời.

Ba là, cần nghiên cứu xây dựng cơ chế riêng, chuyên biệt cho hoạt động đặc thù của TCTD trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng, bao gồm cả hoạt

động nhận thế chấp, cầm cố tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Việc đưa ra các giải pháp cụ thể là hết sức cần thiết, cụ thể như sau:

Một là, cần có quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể giao kết trong HĐTD có TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn.

Hai là, cần có quy định yêu cầu bên nhận TSBĐ là số dư tiền gửi phải có thông báo cụ thể đến TCTD nhận tiền gửi.

Ba là, cần có quy định chặt chẽ xác định rõ tư cách, quyền và nghĩa vụ của TCTD nhận tiền gửi trong quan hệ giao dịch bảo đảm đối với TSBĐ là số dư tiền gửi mà TCTD nhận tiền gửi không tham gia trực tiếp giao dịch bảo đảm.

Bốn là, cần có quy định bắt buộc các TCTD phải tuân thủ, chấp hành các điều kiện về cấp tín dụng (nhất là mục đích vay vốn), phương thức giải ngân tiền vay trong hoạt động cấp tín dụng có TSBĐ là số dư tiền gửi.

Năm là, cần quy định lãi suất cho vay của khoản vay có TSBĐ bảo đảm bằng tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn phải cao hơn lãi suất tiền gửi.

Sáu là, cần có hướng dẫn cụ thể phân loại tài sản đối với tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn tại TCTD; Cần quy định các trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm thế chấp, cầm cố tài sản khi sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ.

Kiến nghị: cần phân loại tài sản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn tại TCTD là một loại động sản, thuộc dạng quyền tài sản khác theo quy định tại Điều 115 BLDS 2015 gồm có quyền đòi nợ và quyền yêu cầu thanh toán; Khi sử dụng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn làm TSBĐ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong trường hợp TCTD nhận tiền gửi đồng thời là bên nhận bảo đảm đối với TSBĐ chính là khoản tiền này thì áp dụng biện pháp cầm cố tài sản, còn trong các trường hợp khác thì áp dụng biện pháp bảo đảm là thế chấp tài sản.

Bảy là, cần quy định khi sử dụng số dư tiền gửi nói chung và tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn nói riêng làm TSBĐ mà bên nhận bảo đảm không phải là TCTD nhận tiền gửi thì biện pháp bảo đảm này thuộc trường hợp phải đăng ký biện pháp bảo đảm; Cần có hướng dẫn cụ thể việc đăng ký biện pháp bảo đảm và áp dụng điểm c khoản 7 Điều 6 Thông tư 18/2018/TT-BTP để đăng ký biện pháp bảo đảm.

Tám là, sửa đổi quy định BLDS 2015 về việc thu giữ, giao TSBĐ theo hướng bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ (sửa đổi Điều 301); Cần quy định rõ trách nhiệm, chế tài cơ quan thực thi pháp luật trong việc phối hợp thu giữ, xử lý TSBĐ.

Chín là, pháp luật cần có hướng dẫn cụ thể hơn một số quy định sau:

(i) Quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Cần hướng dẫn giải thích cụ thể Điều 32 về “*Giao dịch với người thứ ba ngay tình liên quan đến tài khoản ngân hàng, tài khoản chứng khoán và động sản khác mà theo quy định của pháp luật không phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng*”; Và điểm c Khoản 2 Điều 35 “*Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình*”

là như thế nào, đây là một trong các trường hợp mà việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 35; để từ đó xác định được những giới hạn nhất định cho các bên tham gia giao dịch.

(ii) Khoản 3 Điều 23 Nghị định 21/2021/NĐ-CP đã đưa ra khái niệm: “*nắm giữ tài sản bảo đảm*”, cần hướng dẫn giải thích rõ thêm nội dung “*là việc bên nhận bảo đảm trực tiếp quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản bảo đảm*” là như thế nào, đây là cơ sở để các chủ thể áp dụng, thực hiện trong thực tiễn.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng thương mại

Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện một số giải pháp sau: (1) Cần tăng cường công tác kiểm tra, có chế tài xử lý mạnh đối với các NHTM để xảy ra tình trạng tăng trưởng ảo huy động vốn, tín dụng; *(2)* Cần quản lý, kiểm soát lãi suất tiền gửi của tất cả các loại tiền gửi có thời hạn tại các TCTD bằng khung lãi suất.

Các NHTM cần thực hiện một số giải pháp chung sau:

Một là, cần tuân thủ chặt chẽ và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Hai là, chú trọng, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ việc tuân thủ, chấp hành quy định pháp luật và quy định nội bộ liên quan đến hoạt động huy động vốn và cho vay. Coi công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ là rào chắn cuối cùng bảo đảm an toàn và hạn chế tối đa rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

Ba là, chú trọng công tác pháp chế và cảnh trọng trong xây dựng quy chế nội bộ. Coi trọng công tác kiểm soát chéo trong tác nghiệp giữa các khâu nghiệp vụ liên quan. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế nội bộ kịp thời phù hợp với sự điều chỉnh của pháp luật, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trên cơ sở phải phù hợp với hoạt động thực tiễn của từng NHTM, bao gồm cả quy định cho vay có TSBĐ bằng số dư tiền gửi đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Bốn là, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên.

Năm là, xây dựng kế hoạch tăng trưởng huy động vốn và tín dụng phù hợp với khả năng nội lực và sự phát triển, tăng trưởng chung của nền kinh tế, của từng địa phương; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện; không thực hiện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, có chế tài xử lý mạnh đối với người đứng đầu hoặc các cá nhân, liên quan đến tăng trưởng ảo huy động vốn, tín dụng.

Các NHTM cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Một là, trong công tác thẩm định cần chú trọng xác minh nguồn gốc và tính hợp pháp của khoản tiền gửi dùng làm TSBĐ.

Hai là, cần lấy ý kiến đồng ý của vợ/chồng người đứng tên khoản tiền gửi

sử dụng làm TSBĐ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD của người thứ ba.

Ba là, áp dụng biện pháp cầm cố tài sản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn khi NHTM nhận bảo đảm đồng thời là NHTM nhận tiền gửi.

Bốn là, các NHTM nhận TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn đang được gửi ở TCTD khác cần áp dụng và thực hiện một số giải pháp sau:

- Áp dụng biện pháp thế chấp tài sản; Xác lập hợp đồng bảo đảm độc lập; Thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm; Thông báo cụ thể cho TCTD nhận tiền gửi biết.

- Bên gửi tiền phải có văn bản yêu cầu TCTD nhận tiền gửi phong tỏa và chỉ giải tỏa khoản tiền gửi dùng làm TSBĐ khi có thông báo từ NHTM nhận bảo đảm, đồng thời ủy quyền vô điều kiện không hủy ngang cho NHTM nhận bảo đảm được nhân danh bên gửi tiền nhận khoản tiền gửi đó (gồm gốc và lãi) tại TCTD nhận tiền gửi khi bên bảo đảm /bên gửi tiền và hoặc bên vay thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ theo cam kết tại hợp đồng bảo đảm, HĐTD đã giao kết.

- Thỏa thuận hoặc có cam kết, đồng ý của TCTD nhận tiền gửi về các vấn đề sau:

+ Đã phong tỏa và chỉ giải tỏa khoản tiền gửi theo thông báo của NHTM nhận bảo đảm; Không cho phép bên gửi tiền /bên bảo đảm thực hiện rút tiền gửi hoặc bất cứ giao dịch nào khác đối với khoản tiền gửi dùng làm TSBĐ ngoại trừ trường hợp nhập lãi tiền gửi vào tiền gốc và hoặc kéo dài thời gian gửi tiền;

+ Không sửa đổi, bổ sung các điều kiện và điều khoản liên quan đến giao dịch gửi tiền của khoản tiền gửi sử dụng làm TSBĐ khi chưa có sự đồng ý của NHTM nhận bảo đảm, ngoại trừ trường hợp kéo dài thời hạn gửi tiền (nếu có) thì được thỏa thuận mức lãi suất tiền gửi áp dụng đối với thời hạn kéo dài và hoặc nhập tiền lãi phát sinh của kỳ gửi trước vào tiền gốc để gửi tiếp.

+ Chấp thuận việc rút tiền gửi trước thời hạn gửi khi cần thiết hoặc khi NHTM nhận bảo đảm thực hiện xử lý TSBĐ.

+ Đồng ý và sẽ tuân theo bất cứ yêu cầu nào được đưa ra bởi NHTM nhận bảo đảm đối với việc định đoạt số dư tiền gửi có trên tài khoản tiền gửi được sử dụng làm TSBĐ của bên bảo đảm /bên gửi tiền mà không cần có sự đồng ý trước của bên gửi tiền /bên bảo đảm.

+ Cam kết không thực hiện trích khoản tiền gửi được sử dụng làm TSBĐ để thanh toán bù trừ với nghĩa vụ khác (nếu có) của bên gửi tiền /bên bảo đảm với TCTD nhận tiền gửi gồm cả các khoản vay nếu có (ngoại trừ các khoản phí quản lý tiền gửi theo quy định pháp luật tiền gửi tại TCTD) hay không tích hợp tài khoản làm giảm hoặc mất giá trị khoản tiền gửi sử dụng làm TSBĐ.

Tiểu kết Chương 3

Thực tiễn và pháp luật cần có sự gắn kết chặt chẽ với nhau, pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng của Nhà nước nhằm duy trì sự phát triển ổn định của nền kinh tế. Ngược lại thông qua việc áp dụng và thực hiện trong thực tiễn, người làm luật sẽ phát hiện ra những bất cập, khoảng trống của pháp luật để sửa đổi, hoàn thiện sao cho phù hợp thực tiễn nhất.

Hoạt động thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD được các NHTM áp dụng thường xuyên phổ biến. Chính vì vậy, khi pháp luật có các quy định cụ thể sẽ giúp hoạt động trên hạn chế các rủi ro và thiệt hại xảy ra. Tuy nhiên, hiện nay trên thực tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện còn có trường hợp gây ra sự bất ổn trong quan hệ tín dụng có TSBD bằng số dư tiền gửi nói chung và tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn nói riêng. Việc xây dựng các định hướng pháp luật trở nên cấp thiết để tạo kim chỉ nam cho việc đề ra các giải pháp cụ thể trong hoàn thiện pháp luật. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng, thực hiện pháp luật cần được thực hiện đồng bộ và thống nhất trong toàn hệ thống các TCTD.

KẾT LUẬN

Trong hoạt động kinh doanh của các TCTD nói chung và các NHTM nói riêng, việc nhận thế chấp, cầm cố tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD là hoạt động kinh tế thông thường và hết sức phổ biến diễn ra hàng ngày. Hai biện pháp bảo đảm đối với hai loại tài sản này đã mang lại nhiều lợi ích cho các bên, giúp cung ứng nguồn vốn nhanh chóng cho chủ thể gửi tiền khi cần gấp, hạn chế thiệt hại về lãi tiền gửi khi rút tiền gửi có thời hạn trước hạn gửi và thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh của các TCTD. Việc pháp luật cho phép cũng như ghi nhận biện pháp bảo đảm này là điều tất yếu. Tuy nhiên, hiện nay trong thực tiễn áp dụng và thực hiện, pháp luật vẫn còn một số tồn tại gây ra khó khăn cho TCTD, đặc biệt là các NHTM. Ngoài ra, thực tiễn thực hiện pháp luật tại các NHTM vẫn còn xảy ra nhiều rủi ro và vấn đề, dễ gây ra thiệt hại lớn cho các ngân hàng.

Từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu để hoàn thiện và xây dựng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động cấp tín dụng có áp dụng biện pháp bảo đảm là thế chấp, cầm cố tài sản là số dư tiền gửi nói chung và tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn nói riêng cần được cơ quan nhà nước chú trọng. Song song với áp dụng các giải pháp hoàn thiện pháp luật, các NHTM cũng cần tuân thủ và đề ra những giải pháp cụ thể để hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng trong hoạt động áp dụng và thực hiện pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Danh mục văn bản pháp luật

1. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp không số ngày 28/11/2013;
2. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/5/2005;
3. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
4. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014;
5. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014;
6. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
7. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
8. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
9. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật các công cụ chuyển nhượng số 49/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
10. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
11. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/06/2014;
12. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 Về thi điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
13. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;
14. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
15. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
16. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 về Đăng ký biện pháp bảo đảm;
17. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

18. Bộ Chính trị (2021), Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

19. Bộ Tư pháp (2018), Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 20/06/2018 hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc bộ tư pháp;

20. Bộ Tư pháp (2020), Thông tư số 06/2020/TT-BTP ngày 17/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp;

21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), Thông tư 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm;

22. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), Thông tư 49/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi có kỳ hạn;

23. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2017), Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng;

24. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

25. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014 quy định lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng;

26. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2019), Văn bản số 7031/NHNN-TTGSNH ngày 06/9/2019 về việc cảnh báo cho vay cầm cố sổ tiết kiệm không có phương án sử dụng vốn vay. Link truy cập:

<https://phapluatcongdong.vn/van-ban-cong-van-7031-nhnn-ttgsnh-ban-han-h-ngan-hang-nha-nuoc-viet-nam-nam-2019-p67194.htm>

II. Sách chuyên khảo

1. Đỗ Văn Đại (2016), “*Bình luận khoa học, Những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*”, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, xuất bản lần thứ ba năm 2016;

2. Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn (2018), “*Giáo trình luật dân sự Việt Nam Tập II*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

3. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội;

4. Viện khoa học pháp lý (2016), *Từ điển luật học*, NXB Từ điển Bách khoa & NXB Tư pháp, Bộ Tư pháp, Hà Nội.

III. Luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ

1. Ngô Tú Ngọc (2020), “*Xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học luật, Đại học Huế;

IV. Bài báo khoa học và các website

1. Hoàng Thị Việt Anh (2020), “*Chế định cầm cố tài sản trong Bộ luật dân sự năm 2015 và bản luận về cầm cố tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng*”, Tạp chí pháp luật và thực tiễn - số 43/2020;

Link truy cập: <https://vjol.info.vn/index.php/pltt/article/view/50949> ;

2. Nguyễn Ngọc Điện (2019), “*Xác định tài sản thế chấp theo tinh thần Bộ luật Dân sự năm 2015*”, Bài viết được đăng tải trên Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 2+3/2019;

Link truy cập: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210244>.

3. Bùi Đức Giang (2020), “*Quản lý rủi ro pháp lý khi nhận bảo đảm bằng tiền gửi và số dư tài khoản thanh toán*”, Tạp chí Ngân hàng – Số 4/2020; Link truy cập:

<https://bachkhoaluat.vn/cong-doan/9312/quan-ly-rui-ro-phap-ly-khi-nhan-bao-dam-bang-tien-gui-va-so-du-tai-khoan-thanh-toan>;

4. Bùi Đức Giang (2019), “*Giao dịch bảo đảm bằng một số loại quyền tài sản đặc biệt: từ quy định pháp luật đến thực tiễn xác lập hợp đồng*”, Tạp chí Ngân hàng – số 13/2019; Link truy cập:

<http://tapchinganhang.gov.vn/giao-dich-bao-dam-bang-mot-so-loai-quyen-tai-san-dac-biet-tu-quy-dinh-phap-luat-den-thuc-tien-xac-la.htm>;

5. Bùi Đức Giang (2019), “*Bảo đảm bằng thẻ tiết kiệm: Khi ngân hàng phải... tự quyết*”, được đăng tải trên website: <http://bankstar.com.vn/bao-dam-bang-the-tiet-kiem-khi-ngan-hang-phai-tu-quyet/>, cập nhật ngày 11/06/2019;

6. Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc - Đinh Văn Hoàn (2019), “*Kiểm soát chặt chẽ các khoản cấp tín dụng có bảo đảm bằng tiền gửi tiết kiệm của các tổ chức tín dụng*”, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 20/2019, đăng ngày 16/10/2019; Link truy cập:

<https://thitruongtaichinhvientien.vn/kiem-soat-chat-che-cac-khoan-cap-tin-du-ng-co-bao-dam-bang-tien-gui-tiet-kiem-cua-cac-to-chuc-tin-dung-25167.html>

7. Trọng Ngân (2019), “*Trưởng phòng ngân hàng cấu kết làm giả sổ tiết kiệm chiếm 13 tỉ đồng*”, Báo tuổi trẻ và đời sống, đăng ngày 20/1/2019; Link truy

cập: <https://tuoitredoisong.net/su-kien-nong/truong-phong-ngan-hang-cau-ket-la-m-gia-tiet-kiem-chiem-13-ti-dong-18901>;

8. Cao Sơn (2019), “*Rủi ro cho vay cầm cố sổ tiết kiệm*”, Báo Giao thông ngày 16/10/2019; Link truy cập:

<https://www.baogiaothong.vn/rui-ro-cho-vay-cam-co-so-tiet-kiem-d438374.html>

9. Lê Minh Thành (2019), “Xử lý tài sản thế chấp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng”, Tạp chí pháp luật và thực tiễn - số 38/2019;

Link truy cập: <https://vjol.info.vn/index.php/pltt/article/view/41559> ;

10. Huỳnh Quang Thuận (2019), “Giá trị pháp lý của biện pháp bảo đảm không được đăng ký”, Bài viết được đăng tải trên Ấn phẩm Tạp chí Tòa án nhân dân số 16 tháng 8/2019;

11. Lê Thị Thu Thủy (2018), “Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ - nhìn từ góc độ lý luận”, Bài viết đăng trên Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 18, tháng 9/2018;

Link truy cập: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207418>;

12. Lê Thủy Tiên (2021), “Quy định của pháp luật về cầm cố giấy tờ có giá”, Bài viết đăng trên website:

<https://luatminhkhue.vn/quy-dinh-cua-phap-luat-ve-van-de-cam-co-giay-to-co-gia.aspx>, cập nhật ngày 01/07/2021;

13. Nguyễn Phú Trọng (2021), Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 15/9/2021. Link truy cập:

https://sotp.thainguyen.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/hEnG94ajEooh/content/bai-phat-bieu-cua-ong-chi-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-to-an-quoc-cac-co-quan-noi-chinh-trien-khai-thuc-hien-nghi-quyet-ai-hoi-lan-thu-xii;

14. Nguyễn Phú Trọng (2021), Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá XV, ngày 20/7/2021. Link truy cập:

<https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-phiên-khai-mac-ky-hop-thứ-nhất-quốc-hội-khoá-xv-102296472.htm>;

15. <https://www.agribank.com.vn/vn/lai-suat>, truy cập ngày 18/02/2022;

16. <https://www.baca-bank.vn/SitePages/website/lai-xuat.aspx?ac=L%u00e3i%u01ea5t&s=LX>, truy cập ngày 18/02/2022;

17. <https://luattoanquoc.com/dang-ky-bien-phap-bao-dam-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-hien-hanh/>, cập nhật ngày 04/07/2018;

18. <https://portal.vietcombank.com.vn/Personal/lai-suat/Pages/lai-suat.aspx?devicechannel=default>, truy cập ngày 18/02/2022;

19. <https://thebank.vn/blog/15090-vay-the-chap-so-tiet-kiem-agribank-nhanh-chong-an-toan.html>, truy cập ngày 20/2/2022;

20. https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/fm/htctctd?_afLoop=55464583757233224#%40%3F_afLoop%3D55464583757233224%26centerWidth%3D100%2525%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dh9wki dc6d_458, truy cập ngày 22/04/2022;

21. https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/tk/hdctctctd/tkmsctcb?_afLoop=55463066848641224#%40%3F_afLoop%3D55463066848641224%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dh9wkidc6d_46, truy cập ngày 22/04/2022.